

ÁP DỤNG LUẬT TỤC TRONG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VÙNG TÂY NGUYÊN DƯỚI GÓC NHÌN PHÁP LÝ

Lê Đình Quang Phúc *
Trương Minh Tuấn**

Tóm tắt: Vùng Tây Nguyên là nơi tập trung sinh sống của nhiều đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS) với trình độ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội giữa các khu vực địa lý và nhóm dân cư là khác nhau. Chính đặc điểm này đòi hỏi công tác quản lý nhà nước (QLNN) ở vùng Tây Nguyên có những điểm đặc thù so với các địa phương khác trong cả nước, đặc biệt là vấn đề áp dụng tập quán. Trong bài viết này, các tác giả tập trung làm rõ khái niệm luật tục và cơ sở pháp lý để áp dụng trên thực tế và phân tích sự cần thiết phải áp dụng luật tục trong hoạt động QLNN, từ đó đề xuất một số kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng hình thức này tại cộng đồng DTTS Tây Nguyên.

Từ khóa: Luật tục; Vùng Tây Nguyên; quản lý nhà nước

Abstract: The Central Highlands is a place where many ethnic minority people concentrate and live with different levels of economic, cultural and social development among geographical areas and population groups. This feature requires the management of state in the Central Highlands also has more specific points than other localities in the country, especially the application of customs. In the article, the authors focused on clarifying the concept of customary law and legal basis to apply in practice, on that basis, analyzing the need to apply customary laws in state management activities and export a number of recommendations to improve the effectiveness of this form of legal application in ethnic minority communities in the Central Highlands.

Keywords: Customary law; Central Highlands; state management.

Ngày nhận bài: 26/9/2019 Ngày sửa bài: 15/10/2019 Ngày duyệt đăng: 03/12/2018

* ThS, Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng, **; Tòa án nhân dân cấp cao tại TP. Đà Nẵng

1. Luật tục là gì?

Hiện nay, có nhiều học giả đã đưa ra các định nghĩa khác nhau về luật tục. Chẳng hạn, PGS.TS. Ngô Đức Thịnh - Nguyên Viện trưởng Viện nghiên cứu Văn hoá dân gian đã đưa ra định nghĩa: “Luật tục là một hình thức của trí thức bản địa, được hình thành trong lịch sử lâu dài qua kinh nghiệm ứng xử với môi trường và xã hội, được thể hiện dưới nhiều hình thức khác nhau và truyền từ đời này qua đời khác bằng trí nhớ qua thực hành sản xuất và thực hành xã hội. Nó hướng đến việc hướng dẫn quan hệ xã hội, quan hệ con người với thiên nhiên. Những chuẩn mực ấy của cả cộng đồng thừa nhận và thực hiện, nhờ đó đã tạo ra sự thống nhất và cân bằng trong mỗi cộng đồng. Luật tục như hình thức phát triển của phong tục, tục lệ và là những hình thức sơ khai của luật pháp”. TS. Nguyễn Thị Việt Hương - Viện Nhà nước và Pháp luật cho rằng: “Luật tục là những chuẩn mực xã hội, giới hạn hành vi ứng xử của mỗi cá nhân và cả cộng đồng sao cho phù hợp với lợi ích chung của cộng đồng”. Ngoài ra, theo Từ điển Pháp luật phổ thông của Nhà xuất bản Giáo Dục Việt Nam thì viết: “Luật tục là những quy tắc xử sự mang tính chất bắt buộc do các cộng đồng làng xã xây dựng nên và được truyền từ đời này qua đời khác”[1].

Qua các định nghĩa được nêu ra ở trên, ta có thể rút ra được các đặc điểm của luật tục như sau: *Thứ nhất*, luật tục là các quy tắc xử sự do cộng đồng dân cư chọn lọc, đúc kết và lưu truyền qua nhiều thế hệ; *Thứ hai*, luật tục

điều chỉnh gần như mọi mặt của đời sống xã hội cộng đồng. *Thứ ba*, luật tục được đảm bảo thực hiện bằng sự tự nguyện của mỗi cá nhân và dư luận của cộng đồng dân cư.

Trên thực tế, có nhiều học giả sử dụng thuật ngữ luật tục để thay thế cho thuật ngữ tập quán pháp. Mặc dù có nhiều điểm tương đồng, hai khái niệm này vẫn có sự khác biệt nhất định cần phải phân biệt rõ. Tập quán pháp là những “quy tắc xử sự hình thành trong đời sống xã hội, được con người áp dụng một cách thường xuyên, liên tục, lâu dài, được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác, phù hợp với ý chí của giai cấp thống trị trong xã hội, được nhà nước thừa nhận và coi đó là pháp luật”[2]. Như vậy, luật tục và tập quán pháp đều là các quy tắc xử sự do cộng đồng quy định được truyền qua nhiều thế hệ và được mọi người tự giác làm theo. Tuy nhiên, điểm khác biệt quan trọng nhất giữa hai khái niệm này đó là tập quán pháp chính là một hình thức pháp luật, còn luật tục thì không phải. Nói cách khác, luật tục muốn trở thành tập quán pháp thì phải phù hợp với ý chí của giai cấp thống trị và được nhà nước thừa nhận như một nguồn pháp luật.

2. Ý nghĩa việc áp dụng luật tục trong thực tiễn pháp luật vùng Tây Nguyên

Việt Nam là một quốc gia có 54 dân tộc sinh sống, mà trong đó, dân tộc Kinh chiếm đa số (khoảng 85,7% tổng số dân cả nước [3]). Các dân tộc Việt Nam có đặc điểm là chung sống hòa thuận, luôn kề vai sát cánh, gắn bó máu thịt trong đấu tranh chống ngoại xâm, chống

thiên tai địch họa và dựng xây đất nước tạo thành một cộng đồng thống nhất trong đa dạng bản sắc văn hóa. Vấn đề bình đẳng dân tộc đã được xác định là một trong những mục tiêu cơ bản trong việc thực hiện các chính sách kinh tế - xã hội được thể hiện tại văn kiện nhiều kỳ Đại hội Đảng mà gần đây nhất là Đại hội XII của Đảng. Văn kiện Đại hội XII tiếp tục khẳng định “Tiếp tục hoàn thiện các cơ chế, chính sách, bảo đảm các dân tộc bình đẳng, tôn trọng, đoàn kết, giải quyết quan hệ hài hòa giữa các dân tộc, giúp nhau cùng phát triển...” [4]. Trên cơ sở quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước cũng đã ban hành thể hiện nhất quán đảm bảo sự bình đẳng giữa các dân tộc. Khoản 2 Điều 5 Hiến pháp năm 2013 đã tái khẳng định quan điểm về chính sách dân tộc của Đảng. Cụ thể: “Các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển; nghiêm cấm mọi hành vi kỳ thị, chia rẽ dân tộc”.

Một trong những nội dung liên quan đến vấn đề bình đẳng dân tộc là tôn trọng và giữ gìn bản sắc văn hóa của các DTTS cùng chung sống trên đất nước Việt Nam. Đặc biệt, dưới góc độ pháp lý, việc áp dụng các tập quán pháp hay luật tục của các đồng bào DTTS trong thực tiễn pháp luật là điều rất cần thiết, đặc biệt là trong công tác QLNN ở các khu vực đặc thù như Tây Nguyên.

Về bản chất, bên cạnh tính giai cấp, pháp luật còn thể hiện tính xã hội. Ngoài các quy tắc xử sự bị chi phối bởi lợi ích giai cấp thống trị, pháp luật còn bao gồm những quy tắc điều

chỉnh các hành vi, cách xử sự mang tính phổ biến, phù hợp với lợi ích của cộng đồng, phản ánh các quy luật tồn tại khách quan của cộng đồng xã hội [5]. Vì vậy, việc áp dụng luật tục trong thực tiễn pháp luật giúp cho các giá trị văn hóa của các cộng đồng dân tộc ít người được giữ gìn, đồng thời, giúp cho nhà nước có chính sách quản lý phù hợp với tình hình thực tế tại mỗi cộng đồng dân cư khác nhau, đặc biệt là vùng Tây Nguyên - nơi sinh sống của nhiều đồng bào DTTS tại Việt Nam.

Từ quan điểm chỉ đạo của Đảng đến các quy định của pháp luật hiện hành của Nhà nước ta đã tạo ra các tiền đề để áp dụng tập quán trong đó bao gồm cả luật tục và hương ước trong thực tiễn để điều chỉnh các quan hệ phát sinh trong xã hội hằng ngày. Việc áp dụng luật tục Tây Nguyên chứa đựng nhiều ý nghĩa quan trọng không chỉ đối với mục tiêu phát triển bền vững vùng Tây Nguyên mà còn đối với mục tiêu hoàn thiện hệ thống pháp luật quốc gia. Bản chất của luật tục là các quy tắc xử sự được cộng đồng thừa nhận và mọi người tự giác thực hiện. Luật tục không phải là sản phẩm do cơ quan lập pháp hay Nhà nước ban hành mà là sự tập hợp niềm tin và trí tuệ của cộng đồng DTTS nhằm cụ thể hóa các chuẩn mực về đạo đức. Trên cơ sở đó, sự vi phạm luật tục ngoài việc đi ngược lại với các giá trị chuẩn mực đạo đức của cộng đồng, còn có thể bị coi là chống lại ý chí của thần thánh. Vì vậy, tính tự giác chấp hành luật tục của đồng bào các DTTS là khá cao so với tuân thủ các quy phạm pháp luật do nhà nước ban hành.

3. Căn cứ pháp lý áp dụng luật tục trong thực tiễn pháp luật vùng Tây Nguyên

Về nguyên tắc, văn bản quy phạm pháp luật là hình thức pháp luật chủ yếu và quan trọng nhất được áp dụng tại Việt Nam. Tuy nhiên, trong nhiều trường hợp, khi xây dựng và ban hành pháp luật, các nhà làm luật không thể dự liệu hết tinh huớng pháp lý để điều chỉnh chính xác, phù hợp với những vùng hay khu vực dân cư đặc biệt. Vì vậy, Nhà nước Việt Nam vẫn sử dụng một cách hạn chế hình thức pháp luật tập quán và ghi nhận như là một nguồn bổ trợ cho hệ thống pháp luật. Tập quán pháp được áp dụng để điều chỉnh các quan hệ pháp luật thuộc nhóm luật tư như dân sự, thương mại, hôn nhân, gia đình... mà không được áp dụng để điều chỉnh các quan hệ pháp luật trong nhóm luật công như hình sự, hành chính... Trên thực tế, các văn bản dụng luật tục hay tập quán (luật tục/tập quán) thành các điều luật cụ thể. Văn bản quy phạm pháp luật tiêu biểu và quan trọng nhất trong lĩnh vực dân sự là Bộ luật Dân sự cũng đã quy định về trường hợp áp dụng luật tục/tập quán là “trường hợp các bên không có thỏa thuận và pháp luật không quy định thì có thể áp dụng tập quán nhưng tập quán áp dụng không được trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự quy định tại Điều 3 của Bộ luật này” [6]. Ngoài ra, các văn bản luật trong các lĩnh vực khác cũng quy định cụ thể trường hợp và điều kiện áp dụng luật tục/tập quán. Ví dụ khoản 1 Điều 7 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 khẳng định: “Trong

trường hợp pháp luật không quy định và các bên không có thỏa thuận thì tập quán tốt đẹp thể hiện bản sắc của mỗi dân tộc, không trái với nguyên tắc quy định tại Điều 2 và không vi phạm điều cấm của Luật này được áp dụng”. Điều 13 Luật Thương mại năm 2005 về nguyên tắc áp dụng luật tục/tập quán trong hoạt động thương mại có quy định “trường hợp pháp luật không có quy định, các bên không có thỏa thuận và không có thói quen đã được thiết lập giữa các bên thì áp dụng tập quán thương mại nhưng không được trái với những nguyên tắc quy định trong Luật này và trong Bộ luật dân sự”.

Từ nội dung các văn bản pháp luật hiện hành đã phân tích ở trên đã cho thấy luật tục/tập quán có khả năng được áp dụng trong thực tiễn và việc áp dụng này có ý nghĩa quan trọng trong việc giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh mà không có luật điều chỉnh.

4. Thực trạng áp dụng luật tục tại Việt Nam và một số kiến nghị nâng cao hiệu quả áp dụng luật tục trong thực tiễn pháp luật vùng Tây Nguyên

Hiện nay, tập quán pháp vẫn được coi là một hình thức pháp luật bổ trợ trong hệ thống pháp luật Việt Nam bên cạnh văn bản quy phạm pháp luật. Như vậy, từ những quy định cụ thể của pháp luật trong các lĩnh vực dân sự, thương mại, hôn nhân, gia đình đã phân tích ở trên, luật tục hay tập quán pháp chỉ được áp dụng trong trường hợp các bên không có thỏa thuận và pháp luật thực định không có quy định.

Trong giai đoạn đổi mới hiện nay, hệ thống

pháp luật nước ta có những bước tiến bộ nhất định, số lượng luật và pháp lệnh được ban hành càng ngày càng tăng với phạm vi điều chỉnh được mở rộng đến nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội. Tuy nhiên, bên cạnh những thành công đã nêu trên, vẫn tồn tại những hạn chế trong công tác ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Có thể kể đến một số tồn tại nổi bật đó là tính ổn định của hệ thống pháp luật chưa cao, nhiều chính sách pháp luật thường xuyên bị thay đổi, nhiều quy định pháp luật vẫn chưa thực sự phù hợp với tình hình thực tế các quan hệ xã hội mà nó điều chỉnh [7]. Đặc biệt, tại các địa bàn có cơ cấu dân tộc và văn hóa đa dạng như vùng Tây Nguyên, Tây Bắc hay Tây Nam Bộ, cho thấy luật tục ít có khả năng được áp dụng trong thực tiễn vì Nhà nước đang trong quá trình hoàn thiện hệ thống pháp luật thành văn điều chỉnh các quan hệ xã hội mặc dù các quy định này có thể chưa thực sự phù hợp với văn hóa của cộng đồng các DTTS.

Khi xem xét, đánh giá và nghiên cứu các quan hệ xã hội mà pháp luật điều chỉnh, phải thừa nhận sự tồn tại chênh lệch về trình độ phát triển giữa các dân tộc tại các địa bàn dân cư khác nhau. Đặc biệt, đối với các cộng đồng DTTS, các quan hệ xã hội có xu hướng vừa đơn giản, vừa ràng buộc, chông chéo, thể hiện tinh thần tàn dư của hình thái kinh tế xã hội cộng sản nguyên thủy. Chúng ta có thể dễ dàng nhìn thấy sự khác biệt trong quan điểm của người Êđê về vấn đề bồi thường thiệt hại hoa màu do vật nuôi gây ra so với các quy

định hiện hành của Bộ luật Dân sự qua Điều 226 luật tục Êđê. Theo đó, “gia súc ăn ít khóm thì đền, ăn ít lá thì phải làm một lễ hiến sinh từ lợn trở lên, nếu ăn trụi mùa màng thì phải thay thế”. Chính điều này đã khiến cho pháp luật thành văn do nhà nước ban hành khó tiếp cận đến các cộng đồng dân cư này. Vì vậy, sẽ là không hợp lý khi “luật hóa” tất cả các vấn đề của xã hội mà pháp luật thành văn nên tạo ra các “khoảng mở” để các cơ quan QLNN hoặc các cơ quan tư pháp tại các vùng đặc thù như Tây Nguyên có thể áp dụng luật tục trong thực tiễn điều hành và quản lý xã hội.

Bên cạnh đó, trong thực tiễn công tác xét xử, các thẩm phán chưa có sự đồng bộ trong việc lựa chọn áp dụng luật tục/tập quán pháp để giải quyết các vụ việc phát sinh. Trước đây, đã có nhiều trường hợp thẩm phán từ chối thụ lý vụ việc vì lý do không có điều luật quy định mà không chấp nhận áp dụng tập quán pháp để giải quyết. Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 (Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015) có hiệu lực từ ngày 01/01/2017 đã khắc phục được thực trạng này khi quy định “Tòa án không được từ chối giải quyết vụ việc dân sự vì lý do chưa có điều luật để áp dụng” [8]. Cụ thể Khoản 1 Điều 45 Bộ luật này cũng quy định về nguyên tắc giải quyết các vụ việc dân sự trong trường hợp chưa có điều luật để áp dụng, cụ thể như sau: “Tòa án áp dụng tập quán để giải quyết vụ việc dân sự trong trường hợp các bên không có thỏa thuận và pháp luật không quy định. Tập quán không được trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp

luật dân sự quy định tại Điều 3 của Bộ luật dân sự. Khi yêu cầu Tòa án giải quyết vụ việc dân sự, đương sự có quyền viện dẫn tập quán để yêu cầu Tòa án xem xét áp dụng. Tòa án có trách nhiệm xác định giá trị áp dụng của tập quán bảo đảm đúng quy định tại Điều 5 của Bộ luật dân sự. Trường hợp các đương sự viện dẫn các tập quán khác nhau thì tập quán có giá trị áp dụng là tập quán được thừa nhận tại nơi phát sinh vụ việc dân sự”. Tuy nhiên, trên thực tế, rất khó chứng minh được các nội dung của luật tục có thể trở thành tập quán pháp để áp dụng vào công tác xét xử. Vì vậy, trong thời gian sắp tới, Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao cần ban hành các văn bản hướng dẫn cách thức áp dụng thống nhất các tập quán/luật tục trong thực tiễn xét xử, đặc biệt là đối với các vụ việc phát sinh tại khu vực vùng Tây Nguyên.

Áp dụng luật tục trong công tác QLNN đối với cộng đồng DTTS là một trong những yêu cầu cấp thiết để phát triển bền vững vùng Tây Nguyên được thể hiện quan các văn bản Nghị quyết của Đảng. Trên cơ sở đó, Nhà nước cũng đã có những quy định cụ thể làm căn cứ pháp lý để tạo điều kiện cho việc áp dụng tập quán nói chung hay luật tục nói riêng trong thực tiễn pháp luật.

Tuy nhiên, trên thực tế, vẫn tồn tại một số bất cập dẫn đến hiệu quả áp dụng luật tục còn chưa cao. Vì vậy, trong thời gian sắp tới, cần phải có những giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng luật tục trong công tác QLNN để

tạo điều kiện bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống, cũng như đảm bảo tính phù hợp của các chính sách pháp luật đối với cộng đồng các đồng bào DTTS vùng Tây Nguyên nói riêng và trong cả nước nói chung.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1,2. Trần Văn Thắng chủ biên (2009), *Từ điển Pháp luật phổ thông*, Nxb Giáo dục Việt Nam.
3. Quỹ Dân số Liên hợp quốc, *Các dân tộc Việt Nam: Phân tích các chỉ tiêu chính từ Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam năm 2009*, Hà Nội
4. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội
5. Nguyễn Thị Thanh Thủy chủ biên (2010), *Giáo trình Pháp luật đại cương*, Nxb Giáo dục Việt Nam
- 6,8. Khoản 2 Điều 5 Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13.
7. PGS. TS Nguyễn Minh Đuan (2012), *Hiệu quả của pháp luật - Những vấn đề lý luận và thực tiễn* (tái bản lần thứ nhất), Nxb Chính trị quốc gia, tr.119-126.